

Bản án số: 21/2020/DS-ST

Ngày: 25/02/2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Tình Thanh Phước

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phương- Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 475/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 229/2020/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Trụ sở: 89 đường H, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cát Phước T, sinh năm 1997 (Văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 10 năm 2019) (Có mặt).

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc B, sinh năm 1985

Địa chỉ: 185 đường C, phường N, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V do Ông Cát Phước T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 21 tháng 8 năm 2014, Ngân hàng TMCP V (sau đây viết tắt là Ngân hàng V) và bà Huỳnh Thị Ngọc B có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 325-P-049131 (bao gồm Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế), loại thẻ MC2 với hạn mức sử dụng 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, bà Huỳnh Thị Ngọc B đã thực hiện các giao

dịch chi tiêu cá nhân, từ tháng 02/2015 đến nay, bà B không thanh toán nợ cho Ngân hàng V; Ngân hàng V đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nợ cho bà B nhưng bà vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do bà B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 20 tháng 02 năm 2015, Ngân hàng V đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu của thẻ tín dụng sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 4 của Bản thỏa thuận mở và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Tính đến ngày 25/02/2020 bà B còn nợ Ngân hàng V số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 91.542.859 đồng; trong đó nợ vốn gốc là 13.314.147 đồng và nợ lãi quá hạn là 78.228.712 đồng.

Ngày 27 tháng 8 năm 2014, Ngân hàng V đã cho bà B vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 30%/năm, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay vốn: mua xe (Căn cứ vào Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kèm hợp đồng tín dụng), giải ngân ngày 03/9/2014, hợp đồng tín dụng số LD1424600568. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà B chỉ trả cho Ngân hàng V được 04 kỳ với tổng số tiền là 4.927.325 đồng, trong đó tiền gốc là 2.850.944 đồng, tiền lãi là 2.076.381 đồng, kỳ trả nợ cuối là ngày 13/11/2018. Sau đó, bà B không còn thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo đúng hợp đồng đã ký. Do bà B vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng nên hợp đồng chuyển nợ quá hạn từ ngày 03/02/2015 theo Điều 6 của hợp đồng và áp dụng mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn căn cứ theo Điều 2 Lãi suất, phí và các chi phí khác của Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ ban hành kèm theo hợp đồng đã ký. Tính đến ngày 25/02/2020, bà B nợ Ngân hàng V số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 60.587.725 đồng; trong đó nợ vốn gốc là 17.149.056 đồng và nợ lãi quá hạn là 43.438.669 đồng.

Ngân hàng V đã nhắc nhở, đôn đốc nhiều lần nhưng bà B vẫn không thực hiện trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng nên Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Ngọc B phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng các bên đã ký tính đến ngày 25/02/2020 tổng cộng là 152.130.584 đồng, trong đó:

Các khoản nợ theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-049131 ngày 21/8/2014, tính đến ngày 25/02/2020 tổng cộng là 91.542.859 đồng:

Nợ gốc: 13.314.147 đồng;

Lãi quá hạn: 78.228.712 đồng;

Các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số LD1424600568 ngày 27/8/2014, tính đến ngày 25/02/2020 tổng cộng là 60.587.725 đồng:

Nợ gốc: 17.149.056 đồng;

Lãi quá hạn: 43.438.725 đồng.

Tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị cấp thẻ, bảng các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ kể từ ngày 26/02/2020 đến ngày bà B trả hết nợ.

Yêu cầu bà B trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Ngọc B là bị đơn trình bày:

Bà xác nhận vào năm 2014, bà có ký với Ngân hàng V một hợp đồng tín dụng và một hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và hiện còn nợ số tiền gốc và lãi như phần trình bày của đại diện Ngân hàng. Do hoàn cảnh khó khăn, công việc không ổn định, lại phải nuôi hai con nhỏ nên đến nay bà vẫn chưa thanh toán được nợ cho Ngân hàng.

Bà xác nhận đến thời điểm hiện tại còn nợ Ngân hàng TMCP V các khoản tiền, cụ thể như sau:

Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-049131 ngày 21/8/2014, tính đến ngày 25/02/2020 tổng cộng là 91.542.859 đồng:

Nợ gốc: 13.314.147 đồng;

Lãi quá hạn: 78.228.712 đồng;

Hợp đồng tín dụng số LD1424600568 ngày 27/8/2014, tính đến ngày 25/02/2020 tổng cộng là 60.587.725 đồng:

Nợ gốc: 17.149.056 đồng;

Lãi quá hạn: 43.438.725 đồng.

Tổng cộng là: 152.130.584 đồng.

Nay, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà trả số nợ trên thì bà xin Ngân hàng miễn tiền lãi cho bà đối với hai hợp đồng, chỉ trả tiền nợ gốc và mỗi tháng xin được trả 1.000.000 đồng cho cả hai hợp đồng đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ông Cát Phước T vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày buộc bà Huỳnh Thị Ngọc B phải trả cho VPbank tổng số nợ còn thiếu của các hợp đồng tín dụng đã ký bao gồm vốn, lãi tính đến ngày 25/02/2020 là 152.130.584 đồng. Tiền lãi sẽ tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị cấp thẻ, bảng các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ kể từ ngày 26/02/2020 đến ngày bà B trả hết nợ. Yêu cầu trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc B giữ nguyên ý kiến đã trình bày, xin nguyên đơn cho bà trả 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ gốc. Xin được miễn toàn bộ tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V theo quy định tại Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có đơn khởi kiện tranh chấp Hợp đồng tín dụng đối với bà Huỳnh Thị Ngọc B. Xét bà Huỳnh Thị Ngọc B cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo kết quả xác minh của Công an phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu của Nguyên đơn đòi số tiền gốc của hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế tín dụng là 30.463.203 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp, gồm: Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-049131 ngày 21/8/2014; Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số LD1424600568 ký ngày 27/8/2014, giải ngân ngày 03/9/2014, đã có đủ cơ sở xác định: Bà Huỳnh Thị Ngọc B đã đề nghị và được Ngân hàng V cấp 01 thẻ MC2 với hạn mức 15.000.000 đồng và giải ngân số tiền 20.000.000 đồng tiền vay với mục đích mua xe. Đây là Hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong thời gian sử dụng thẻ tín dụng và thực hiện hợp đồng tín dụng, bà B đã thực hiện các giao dịch khác nhau và ngưng thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ tháng 02/2015 theo các sao kê do phía nguyên đơn nộp. Do bà B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 03/02/2015 Ngân hàng V đã chuyển toàn bộ nợ gốc của hợp đồng tín dụng số LD1424600568 sang nợ quá hạn theo Điều 6 và Điều 2, Điều 8 của Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ ban hành kèm theo hợp đồng. Và ngày 20 tháng 02 năm 2015, Ngân hàng V đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ nợ vốn gốc sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 4 của Bản thỏa thuận mở và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng V.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc B cũng xác nhận có ký hợp đồng tín dụng số LD1424600568 ngày 27/8/2014, giải ngân ngày 03/9/2014 để vay Ngân hàng V số tiền 20.000.000 đồng để mua xe và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 325-P-049131 ngày 21/8/2014 với hạn mức sử dụng 15.000.000 đồng. Bà B đã sử dụng số tiền vay vào mục đích cá nhân và do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên bà đã không thể trả nợ cho Ngân hàng V theo đúng hợp đồng đã ký kết nên hiện nay bà còn nợ Ngân hàng V số tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng tổng cộng là 30.463.203 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-049131 ngày 21/8/2014; Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số LD1424600568 ký ngày 27/8/2014, giải ngân ngày 03/9/2014 nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V về việc bà B phải trả tiền nợ gốc 30.463.203 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu về nợ lãi quá hạn của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét, nợ lãi quá hạn mà Ngân hàng V yêu cầu bị đơn phải thanh toán được xác định theo thỏa thuận của các bên tại Giấy đề nghị phát hành thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế số 325-P-049131 ngày 21/8/2014; Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số LD1424600568 ký ngày 27/8/2014; Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ ban hành kèm theo hợp đồng; thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng với khách hàng và Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về ban hành quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng do đó cần xem xét chấp nhận, buộc bà Huỳnh Thị Ngọc B phải thanh toán cho Ngân hàng Ngân hàng V nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử vụ án (25/02/2020) là 121.667.381 đồng. Như vậy, tổng số tiền lãi của hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bà Huỳnh Thị Ngọc B phải trả cho Ngân hàng V là 121.667.381 đồng.

[2.3] Về thời hạn thanh toán:

Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng V yêu cầu bà Huỳnh Thị Ngọc B thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Huỳnh Thị Ngọc B xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ do hoàn cảnh gia đình khó khăn, thu nhập không ổn định và còn đang nuôi 02 con nhỏ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán không thực hiện việc thanh toán nợ cho Ngân hàng từ tháng 02 năm 2015 đến nay là 05 năm mặc dù Ngân hàng đã tạo điều kiện cho bà B thanh toán trong thời gian dài, bà B xin thanh toán mỗi tháng 1.000.000 đồng là không có cơ sở. Do đó việc

ngân hàng yêu cầu bà B thanh toán ngay khoản nợ vay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Bà Huỳnh Thị Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 208; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Luật phí và lệ phí Tòa án;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc B phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 152.130.584 (Một trăm năm mươi hai triệu một trăm ba mươi nghìn năm trăm tám mươi bốn) đồng (trong đó nợ gốc là 30.463.203 đồng và nợ lãi quá hạn là 121.667.381 đồng). Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Huỳnh Thị Ngọc B còn phải tiếp tục chịu khoản lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Thi hành dưới sự giám sát của Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Ngọc B phải chịu 7.606.529 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 3.407.426 (Ba triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm hai mươi sáu) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0005380 ngày 29/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. 1;
- CCTHADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Mạnh